

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-PT

Ngày: 23 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Nguyên Khoa

Ông Cao Văn Lạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thiết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P do có kháng cáo của bị cáo và bị hại Lê Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1999.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị T; anh ruột có 01 người; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại: anh Lê Văn N, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Phan Vũ T1, sinh năm: 1984. (có mặt)

+ Bùi Thị H, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Vũ P1, sinh năm: 1993; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

+ Anh Lê Tấn T2, sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

+ Chị Huỳnh Thị Thanh L, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

+ Anh Bùi Văn Ú, sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 26/7/2023, bị cáo Nguyễn Hoàng P cùng uống rượu với bị hại Lê Văn N, anh Lê Tấn T2 và một số người trong đội làm cam tại xã T Sau khi nhậu xong, bị cáo P và bị hại N cùng về, đến đoạn Chùa C thuộc xã T thì xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau thì được anh Lê Tấn T2 can ngăn, nên cả hai cùng đi về nhà. Sau đó, bị cáo P về nhà lấy con dao, loại dao Thái Lan giấu vào túi quần đi đến nhà bị hại N để tìm đánh bị hại, đi được một đoạn thì được ông Bùi Văn Ú khuyên ngăn, ông Ú lấy con dao trong túi của bị cáo P và đưa bị cáo P về nhà chị Bùi Thị H (chị em bạn dì ruột của bị cáo). Tại nhà chị H, bị cáo P đi ra sau bếp lấy một con dao, loại Thái Lan cán bằng nhựa màu vàng dài 20,5cm (lưỡi dao bằng kim loại dài 10,5cm, cán dao dài 10cm) tiếp tục tìm bị hại Non để giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo P đi đến tiệm tạp hóa của bà Mười S thuộc ấp N, xã T thì gặp bị hại N cũng đang cầm con dao dài 50cm (cán bằng gỗ dài 16cm, lưỡi bằng kim loại dài 34cm) lấy ở nhà đi tìm bị cáo P để chém. Khi gặp bị cáo P, bị hại N cầm dao chém bị cáo nhưng không trúng thì được anh Nguyễn Vũ P1 (anh ruột bị cáo) nhảy vào can ngăn và quật bị hại Non ngã xuống lề lộ, anh Vũ P1 giật lấy con dao trên tay của bị hại N. Lúc này, bị cáo P1 cầm dao lấy tại nhà chị H xông tới đâm 03 nhát vào lưng và hông phải của bị hại N gây thương tích rồi bỏ đi về nhà; bị hại N cũng đi về nhà và được gia đình đưa được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đ1. Đến ngày 31/7/2023, bị hại N làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Hoàng P.

Tại kết luận giám định số: 262/KLTTCT-TTPY ngày 06/9/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương vùng lưng phải cạnh cột sống kích thước khoảng 2 cm, do vật sắc gây nên được điều trị, hiện tại sẹo kích thước 1x0,1cm, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không gây cố tật. Tỷ lệ 01%.

- 02 vết thương vùng hông phải kích thước 2cm và 2cm do vật sắc gây nên, được điều trị, hiện tại sẹo kích thước 1,4x0,1cm và 1,5 x 0,1cm, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không gây cố tật. Tỷ lệ 02%.

2. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT- BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn N tại thời điểm giám định là: 03%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 cái áo thun màu đen, ngắn tay, phía sau áo có nhiều vết thủng do bị dao đâm; 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn, dao dài 50cm lưỡi dao dài 34cm, cán dao dài 16cm do Lê Văn N giao nộp.

+ 01 con dao cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại, dao dài 20,5cm lưỡi dao dài 10,5cm, cán dao dài 10cm do Nguyễn Hoàng P giao nộp.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 585, 586, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Lê Văn N tiền thuốc điều trị là 1.625.000 đồng, tiền xe đi lại 2.800.000 đồng, tiền mất thu nhập là 7.500.000 đồng, tổng cộng là 11.925.000 đồng, nhưng bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả 7.000.000 đồng, còn lại 4.925.000 đồng; buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị cáo.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 5 năm 2024, bị cáo Nguyễn Hoàng P có đơn kháng cáo với nội dung: xem xét giảm nhẹ hình phạt từ 06 tháng tù giam thành 06 tháng tù treo, để bị cáo được ở nhà chăm sóc mẹ; kiểm thu nhập nuôi mẹ và trả nợ Ngân hàng.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, bị hại Lê Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng; xem xét hành vi của Phan Vũ T1 tiếp tay cho bị cáo để gây thương tích cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, bị hại trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng P, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Văn N; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 585, 586, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Văn N tiền thuốc điều trị là 1.625.000 đồng, tiền xe đi lại 2.800.000 đồng, tiền mất thu nhập là 7.500.000 đồng, tổng cộng là 11.925.000 đồng, bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả 7.000.000 đồng, còn lại 4.925.000 đồng; buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại.

Án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị hại Lê Văn N mỗi người nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã xác định: chiều ngày 26/7/2023, sau khi uống rượu chung thì giữa bị cáo Nguyễn Hoàng P và bị hại Lê Văn N xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau và được anh Lê Tấn T2 can ngăn, nên bị cáo và bị hại bỏ về nhà. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, trước cửa tiệm tạp hóa của bà Mười S thuộc ấp N, xã T, huyện T giữa bị cáo và bị hại tiếp tục xảy ra cự cãi, bị cáo P đã có hành vi dùng con dao, loại dao

Thái Lan cán bằng nhựa màu vàng dài 20,5cm (lưỡi dao bằng kim loại dài 10,5cm, cán dao dài 10cm) đâm 03 nhát vào vùng lưng và hông của bị hại N gây thương tích với tỷ lệ 03%, bị hại N có đơn yêu cầu khởi tố đối với bị cáo P. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đối với hành vi của anh Phan Vũ T1: tại biên bản ghi lời khai của Phan Vũ T1 ngày 26/02/2024 (BL 174-175) thể hiện: anh T1 không có chạm vào người bị hại N; lời khai của anh T1 phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Vũ P1 (BL 182-183): chỉ có một mình anh Vũ P1 ôm và giật lấy con dao trên tay bị hại N với mục đích ngăn cản không cho bị hại N chém bị cáo Hoàng P, còn anh T1 chỉ đứng gần đó và căn cứ vào Công văn số 82/VKS ngày 05/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã làm rõ hành vi của anh T1, ngoài lời khai của bị hại N thì không ai chứng kiến việc anh T1 ôm bị hại N và cũng không có chứng cứ chứng minh anh T1 ôm bị hại N để bị cáo P gây thương cho bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm chính bị hại N cũng thừa nhận anh T1 chỉ can ngăn không đánh bị hại nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về hành vi đồng phạm của anh T1.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng P, nhận thấy: khi xảy ra mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại các bên đã ra về, nhưng sau đó hai bên lại tiếp tục đi tìm nhau để đánh, bị cáo P và bị hại N đều có dùng dao là hung khí nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn. Trong vụ án này, bị hại là người dùng dao chém bị cáo trước nhưng không trúng nên bị hại cũng có một phần lỗi; bị cáo thực hiện hành vi chém lại gây thương tích cho bị hại với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để tuyên phạt bị cáo; mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Từ nhận định trên, cũng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của bị hại Lê Văn N.

[6] Đối với kháng cáo yêu cầu tiền mất thu nhập: 60 ngày x 250.000đ/ngày=15.000.000 đồng của bị hại Lê Văn N: theo hồ sơ thể hiện bị cáo không nằm viện để điều trị vết thương, cũng như không có chỉ định của bác sĩ về thời gian nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe và thương tích của bị hại chỉ có 03% nên việc cấp sơ thẩm xem xét cho bị hại tiền mất thu nhập 30 ngày là phù hợp. Bị hại cũng xác định mức thu nhập hàng ngày là 250.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xem xét cho bị hại tiền mất thu nhập: 30 ngày x 250.000đ/ngày = 7.500.000 đồng là có cơ sở, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại đối với yêu cầu này.

[7] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí theo quy định.

[9] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng P.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Văn N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Văn N tổng cộng số tiền 11.925.000 đồng, gồm các khoản chi phí: tiền thuốc điều trị 1.625.000 đồng, tiền xe đi lại 2.800.000 đồng, tiền mất thu nhập 7.500.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp khắc phục 7.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005025 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 4.925.000 đồng.

3. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC + VKSNDTC: 02;
- TANDCC + VKSNDCC: 02;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H T: 02;
- VKSND + CQĐT H T: 02;
- CQTHADS +THAHS H T: 02;
- TG + BC: 02;
- BH: 01;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND, CA xã T1: 02;
- Lưu VP, P.KTNV: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Duyên